TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng O, sinh năm: 1994

Địa chỉ: D khu phố F phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn G, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp H xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng O trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Đặng Văn G đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/12/2015.

Sau khi cưới bà và ông G sống chung với gia đình bà được 01 thời gian sau đó cất nhà sống riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông G có người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại bà và ông G vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: bà và ông G có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Kỳ D, sinh ngày: 06/9/2023, về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn G không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Đặng Văn G vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Phạm Chí Hiếu – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hoàng O là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Hoàng O được ly hôn với ông Đặng Văn G. Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Kỳ D, sinh ngày: 06/9/2023, giao con chung cho bà Nguyễn Hoàng O được nuôi dưỡng, ông Đặng Văn G phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Nguyễn Hoàng O cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà O, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Hoàng O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn G. Ông G cư trú tại xã L huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Hoàng O vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã L xác nhận ông Đặng Văn G có đăng

ký thường trú tại xã L, huyện C hiện có mặt tại địa phương. Do đó Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông G, ông G đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà O và ông G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà O, thấy rằng: bà O và ông G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2015 nên hôn nhân của bà O và ông G là hôn nhân hợp pháp. Theo bà O trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai cũng có gặp nhau nhưng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về phía ông G, từ khi bà O nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà O nhưng ông G cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông G không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà O đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O là phù hợp.

[3] Về con chung: bà O và ông G có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Kỳ D, sinh ngày: 06/9/2023. Sau khi ly hôn bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, cuộc sống của con chung đang ổn định, phát triển bình thường. Ông G đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu về nuôi con của bà O nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Mặt khác cháu D hiện dưới 36 tháng tuổi. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của bà O và ông G được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi bà O và ông G ly hôn, cần giao con chung cho bà O được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Hoàng O yêu cầu ông Đặng Văn G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà O và ông G ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bà O và ông G. Bà O là người trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Mức cấp dưỡng nuôi con theo Công văn số 24/1999/KHXX

ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Tại Nghị định số: 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu hiện nay là 1.800.000 đồng. Do đó buộc ông G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Hoàng O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Hoàng O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Đặng Văn G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng O về việc *"Ly hôn"* với ông Đặng Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Hoàng O được ly hôn với ông Đặng Văn G.

2. Về con chung: giao con chung tên Đặng Nguyễn Kỳ D, sinh ngày: 06/9/2023 cho bà Nguyễn Hoàng O được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Đặng Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Nguyễn Kỳ D, sinh ngày: 06/9/2023, mỗi tháng số tiền 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hoàng O chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010054 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Hoàng O đã nộp đủ án phí. Ông Đặng Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Hoàng O và ông Đặng Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C
- THA huyện C;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm